

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 82/TTr-SXD ngày 09/11/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/ 3/2016.

Quyết định này thay thế các quyết định:

1. Quyết định số 368/2012/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND tỉnh Phú Yên “V/v Ban hành Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý”;

2. Quyết định số 1728/2012/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định phân cấp, uỷ quyền và phân giao nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý” ban hành kèm theo Quyết định số 368/2012/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND tỉnh Phú Yên”;

3. Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh”;

4. Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc ban hành Quy định bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên”;

5. Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định 38/2013/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 của UBND tỉnh Phú Yên”.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Văn hoá Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp, ủy quyền và phân giao nhiệm vụ trong
quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2016/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân giao nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các cấp của tỉnh trong công tác: Địa điểm xây dựng; thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm định thiết kế cơ sở; tổ chức quản lý dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; quản lý giá vật tư, thiết bị; cấp Giấy phép xây dựng; đấu thầu trong đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý.

2. Quy định này áp dụng cho các dự án sử dụng vốn Nhà nước. Riêng các nội dung về địa điểm xây dựng, cấp Giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng được áp dụng cho tất cả các nguồn vốn.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; nếu điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc quy định của nhà tài trợ có quy định khác với Quy định này thì áp dụng quy định của điều ước Quốc tế đó hoặc quy định của nhà tài trợ.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nếu quy định của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 có quy định khác với Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13.

5. Đối với các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài thực hiện theo Quy định này còn phải thực hiện theo Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ “Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh” và Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL

ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch “Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích”.

6. Các dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh, dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng tổng hợp thực hiện theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ “V/v Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh” và Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “V/v Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ”. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Các dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng thực hiện theo Luật Đầu tư công. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tài chính cấp xã là đầu mối tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Các dự án do các cơ quan trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân giao nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các cấp của tỉnh trong các công tác quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Dự án” theo Quy định này là Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. *Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung* là dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực dự án, ví dụ như khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu công nghiệp, khu thương mại, khu thể dục thể thao, khu du lịch...

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ là dự án đầu tư xây dựng một công trình kiến trúc.

4. Vốn Nhà nước ngoài ngân sách bao gồm công trái Quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.

Chương II

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

Điều 4. Địa điểm xây dựng và thông báo thu hồi đất để lập dự án

1. Cấp chứng chỉ quy hoạch:

Việc cấp chứng chỉ quy hoạch chỉ thực hiện đối với các dự án xây dựng tại khu vực trong đô thị hoặc ngoài đô thị đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...).

Trước khi lập dự án, chủ đầu tư phải tiến hành lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ quy hoạch theo quy định.

a) Thẩm quyền cấp chứng chỉ quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị.

b) Thời gian cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Nội dung chứng chỉ quy hoạch: Tên công trình; tên khu đất - khu chức năng; diện tích khu đất; chỉ giới xây dựng; chỉ giới đường đỏ; cốt xây dựng; mật độ xây dựng; hệ số sử dụng đất; chiều cao tối đa, chiều cao tối thiểu xây dựng công trình; chiều cao tầng một của công trình; các thông tin về kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và các quy định khác.

2. Cấp Giấy phép quy hoạch:

Việc cấp Giấy phép quy hoạch được thực hiện đối với trường hợp dự án xây dựng tại khu vực chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt hoặc đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng,...) đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật theo tuyến: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...).

Trước khi lập quy hoạch xây dựng hoặc lập dự án, chủ đầu tư phải tiến hành lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch theo quy định.

a) Thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch:

- Ủy quyền Giám đốc Sở Xây dựng cấp Giấy phép quy hoạch cho các trường hợp sau:

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung có quy mô trên 50 ha và dự án có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử của Tỉnh xây dựng tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt;

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt của thành phố Tuy Hoà, trừ nhà ở;

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ tại khu vực trong đô thị đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt của thành phố Tuy Hoà, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch.

+ Dự án đầu tư xây dựng trong khu chức năng đặc thù cấp Quốc gia.

- Ủy quyền Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án xây dựng trong các khu công nghiệp, các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa).

- Ủy quyền Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án xây dựng trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án xây dựng thuộc trường hợp còn lại trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị.

b) Thời gian cấp Giấy phép quy hoạch: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Nội dung cấp Giấy phép quy hoạch, gồm: Tên công trình; tên và vị trí khu đất; quy định về sử dụng đất (tính chất hoặc công dụng công trình, diện tích khu đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng); các quy định quy hoạch, kiến trúc công trình và sử dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật (mối quan hệ công trình với tổng thể; chiều cao công trình; yêu cầu về kiến trúc; cao độ nền công trình, chỗ đỗ ô tô và xe máy; yêu cầu về cây xanh; đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình với hệ thống chung đô thị: chuẩn bị kỹ thuật đất đai (san nền, tiêu thụ); giao thông; cấp điện, cấp - thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc...); thời hạn của Giấy phép quy hoạch.

3. Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm và ra thông báo thu hồi đất:

Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm và ra thông báo thu hồi đất đối với dự án đầu tư sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, thực hiện theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai”.

a) Thẩm quyền Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm và ra thông báo thu hồi đất:

Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo thu hồi đất đối với các dự án đầu tư sử dụng đất thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

b) Phối hợp trong công tác ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm và ra thông báo thu hồi đất:

Trong quá trình thực hiện, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan (trong đó có cơ quan cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc cấp Giấy phép quy hoạch) kiểm tra thực địa khu đất.

Điều 5. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của dự án

1. Các dự án có quy mô từ 05 ha trở lên (từ 02 ha trở lên đối với dự án nhà ở chung cư), trừ công trình xây dựng theo tuyến (cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc,...), phải lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi lập dự án đầu tư xây dựng

2. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án:

Việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng của các dự án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng” đối với các dự án xây dựng khu chức năng đặc thù và tại khu vực nông thôn hoặc thực hiện theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ “Về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị” đối với các dự án xây dựng còn lại. Riêng các dự án trường học, bệnh viện, nhà máy sản xuất công nghiệp theo dây chuyền mang tính chất định hình và các dự án khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì không phải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án. Trong trường hợp này, chủ đầu tư căn cứ vào quy mô đầu tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và điều kiện cụ thể của công trình để tổ chức lập quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

- Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của các dự án xây dựng tại khu vực trong đô thị không thuộc khu chức năng đặc thù.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án, trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án xây dựng tại khu vực trong đô thị thuộc thẩm quyền thẩm định của chủ đầu tư.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết của các dự án (trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của dự án xây dựng tại khu vực trong đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

Đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt là một trong những cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt dự án.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, việc thẩm định dự án được phân giao nhiệm vụ như sau:

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Xây dựng chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án nhóm B, nhóm C các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, công trình cầu và đường Quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông Vận tải chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án nhóm B, nhóm C công trình giao thông (trừ các công trình do Sở Xây dựng chủ trì thẩm định);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án nhóm B, nhóm C các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Sở Công Thương chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án nhóm B, nhóm C công trình công nghiệp (trừ các công trình do Sở Xây dựng chủ trì thẩm định).

b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án

nhóm B, nhóm C các công trình theo chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản này, trừ các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông;

- Phòng Kinh tế chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn; công trình công nghiệp (trừ các công trình do Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định);

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách, việc thẩm định dự án được phân giao nhiệm vụ như sau:

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của dự án nhóm B, nhóm C hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) các công trình theo chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trừ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng;

- Ủy quyền Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) các dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của dự án (bao gồm cả dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và

nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng) theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của dự án nhóm B, nhóm C (trừ phần thiết kế công nghệ) các công trình theo chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

- Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (bao gồm cả dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng) các công trình theo chuyên ngành quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

- Cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện, bộ phận Tài chính đối với cấp xã) chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật:

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của dự án nhóm B, nhóm C hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) các công trình theo chuyên ngành quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trừ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng;

- Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014; chủ trì tổ chức thẩm định dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng.

3. Phối hợp trong công tác thẩm định dự án:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất mục tiêu của dự án. Cơ

quan chủ trì có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định dự án của các cơ quan chuyên môn về xây dựng khác theo quy định tại Khoản 1 Điều này và lấy ý kiến các nội dung về phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác;

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ “Về quản lý dự án đầu tư xây dựng”. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

b) Đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) là cơ quan chuyên môn về xây dựng có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất mục tiêu của dự án. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của các cơ quan chuyên môn về xây dựng khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này và lấy ý kiến các nội dung về phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác;

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

4. Trường hợp dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì thẩm quyền thẩm định dự án được thực hiện theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ phần trăm (%) lớn nhất trong tổng mức đầu tư.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) có trách nhiệm tổ chức thẩm định theo cơ chế một cửa liên thông đảm bảo đúng nội dung và thời theo quy định Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

6. Trường hợp cơ quan thẩm định yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, trong thời gian theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, các nhân có

đủ năng lực theo quy định để thẩm tra phục vụ cho việc thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra phải đảm bảo đúng theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng, chủ đầu tư căn cứ vào kế hoạch dự toán được giao đầu năm để tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công-dự toán xây dựng, không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư từ 01 (một) tỷ đồng trở lên;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C còn lại, trừ các dự án quy định tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 39 Luật Đầu tư công.

2. Dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

b) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C còn lại, trừ các dự án quy định tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 39 Luật Đầu tư công.

Chương IV

QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 8. Tổ chức quản lý dự án

1. Kiện toàn, sắp xếp các Ban quản lý dự án như sau:

a) Cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, có trách nhiệm ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án

đầu tư xây dựng cấp huyện hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành quy định tại Điểm c Khoản này để thực hiện quản lý dự án;

b) Cấp huyện:

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao theo Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện trên cơ sở kiện toàn, sắp xếp lại Ban quản lý dự án cấp huyện hiện có để thực hiện chức năng chủ đầu tư và nhiệm vụ quản lý đồng thời nhiều dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư. Ban quản lý dự án cấp huyện phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định để trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao.

c) Cấp tỉnh:

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Ban quản lý dự án chuyên ngành, gồm Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trên cơ sở kiện toàn, sắp xếp lại các Ban quản lý dự án hiện có trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban quản lý dự án các công trình trọng điểm, Ban quản lý dự án Thủy lợi và Phòng chống thiên tai) và các Ban quản lý dự án trực thuộc các Sở, ngành (Ban quản lý dự án chuyên ngành giao thông, Ban quản lý các dự án Nông nghiệp, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Ban quản lý dự án ngành Y tế, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Sở Giáo dục và Đào tạo...). Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện chức năng chủ đầu tư và nhiệm vụ quản lý đồng thời nhiều dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Ban quản lý dự án chuyên ngành phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định để trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao.

- Trường hợp nếu giao cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký kết hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

2. Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án:

a) Các Sở, ngành cấp tỉnh; các Phòng, ban cấp huyện chỉ được giao làm chủ đầu tư và trực tiếp thực hiện quản lý dự án đối với các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình xây dựng quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 05 (năm) tỷ đồng, dự án có sự tham gia của cộng đồng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ được trực tiếp thực hiện quản lý dự án các dự án có tổng mức đầu tư dưới 02 (hai) tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư.

c) Chủ đầu tư các dự án nêu trên sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

Chương V **THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Mục 1 **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, việc thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn được phân giao nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

b) Sở Giao thông Vận tải chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

d) Sở Công Thương chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp II trở xuống các công trình theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

2. Đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách, việc thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn được phân giao nhiệm vụ như sau:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp III trở lên các công trình theo chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Ủy quyền Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Điểm a Khoản này; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại và công trình lưới điện trung áp.

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật:

Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Điểm a Khoản này; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán các công trình còn lại và công trình lưới điện trung áp.

3. Phối hợp trong công tác thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thực hiện thẩm định đối với công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt hoặc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình;

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước).

2. Dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình;

b) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình;

c) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước).

Mục 2

QUẢN LÝ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ

Điều 11. Xác định giá vật liệu xây dựng, thiết bị để lập dự toán công trình xây dựng

1. Giá vật liệu xây dựng:

a) Hàng tháng Liên Sở Tài chính - Xây dựng thông báo giá vật liệu xây dựng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, sử dụng để lập dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp giá vật liệu trong thông báo giá chưa phù hợp với thực tế thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, xác định nguồn cung cấp, giá bán buôn (tại nơi sản xuất hoặc đại lý), cự ly vận chuyển, loại đường (theo quy định của ngành Giao thông Vận tải) tại thời điểm lập dự toán một cách hợp lý nhất và căn cứ vào phương pháp tính chi phí vận chuyển, để xác định giá vật liệu xây dựng đến chân hiện trường theo quy định làm cơ sở cho việc lập dự toán.

b) Đối với những vật liệu xây dựng không có trong thông báo giá của Liên Sở Tài chính - Xây dựng thì chủ đầu tư có trách nhiệm xác định phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình, phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật liệu sử dụng cho công trình trên thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp, báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá của loại vật liệu có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã và đang được sử dụng ở công trình khác.

2. Giá thiết bị:

Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định giá thiết bị phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình, phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng thiết bị sử dụng cho công trình trên thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp, báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp để lập dự toán.

Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để thẩm định giá thiết bị làm cơ sở cho việc lập dự toán.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản giá cước vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, sử dụng để lập dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Mục 3

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 12. Công tác cấp Giấy phép xây dựng các công trình và nhà ở trên địa bàn tỉnh

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập đồng thời và trình phê duyệt cùng với dự án hoặc có thể được lập, trình phê duyệt sau khi phê duyệt dự án và phải theo đúng các tiêu chí của dự án nhưng phải hoàn tất trước khi xin cấp Giấy phép xây dựng công trình hoặc trước khi khởi công xây dựng công trình (đối với các công trình không phải xin Giấy phép xây dựng). Trường hợp dự án không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường để được cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước khi xin cấp Giấy phép xây dựng công trình hoặc trước khi khởi công xây dựng công trình (đối với các công trình không phải xin Giấy phép xây dựng).

Việc cấp Giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

1. Thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng:

a) Giám đốc Sở Xây dựng:

- Được uỷ quyền cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc địa giới hành chính do tỉnh quản lý; những công trình và nhà ở đô thị trên các tuyến, trục đường chính của thành phố Tuy Hòa có lộ giới từ 30m trở lên; những công trình thuộc một dự án nhưng nằm trên địa bàn từ hai huyện, thị xã, thành phố trở lên thuộc địa giới hành chính do tỉnh quản lý; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án và các công trình khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh; trừ các công trình xây dựng quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này;

- Cấp Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với màn hình quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20m² trở lên; biển hiệu, bảng quảng cáo độc lập trên 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu tương tự gắn với công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40m² trở lên;

b) Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên được ủy quyền cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình từ cấp I trở xuống xây dựng trong các Khu công nghiệp, các khu chức năng của Khu kinh tế Nam Phú Yên thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các điểm dân cư nông thôn thuộc huyện Đông Hòa);

c) Trưởng ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được ủy quyền cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình từ cấp I trở xuống xây dựng trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng các công trình; nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa giới hành chính do cấp huyện quản lý; trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 và các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này.

2. Quản lý Nhà nước về xây dựng trong việc cấp Giấy phép xây dựng:

a) Đối với các công trình sử dụng vốn khác mà phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (trừ các công trình đã được các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở) và các công trình chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, ngoài các quy định về cấp Giấy phép xây dựng nêu trên, cơ quan cấp phép phải có trách nhiệm kiểm tra và chỉ cấp phép xây dựng khi đảm bảo các nội dung sau đây:

- Sự phù hợp của thiết kế so với nội dung và quy mô đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Sự phù hợp của thiết kế so với quy hoạch xây dựng hoặc Giấy phép quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền; sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế theo quy định.

Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng được quyền từ chối cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình có hồ sơ thiết kế không phù hợp với các nội dung nêu trên. Việc từ chối cấp Giấy phép xây dựng phải được trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do để chủ đầu tư biết.

b) Căn cứ các quy định về Giấy phép xây dựng của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc cấp Giấy phép xây dựng; chỉ đạo việc cấp Giấy phép xây dựng bảo đảm nhanh, gọn, chặt chẽ, chính xác và thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định về Giấy phép xây dựng.

Mục 4**CÔNG TÁC ĐẦU THẦU****Điều 13. Điều kiện để triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu**

Chủ đầu tư chỉ được triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu của dự án khi đã có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, có dự toán được phê duyệt (trừ các gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khoá trao tay) và nguồn vốn cho gói thầu được thu xếp theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu. Các trường hợp khác phải được sự cho phép của người phê duyệt quyết định đầu tư.

Điều 14. Thẩm quyền và thời gian thẩm định công tác đấu thầu**1. Thẩm quyền thẩm định công tác đấu thầu:****a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau:**

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc các dự án do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau:

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư;

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng bộ phận chuyên môn phù hợp để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết định đầu tư; Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư;

d) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do mình quyết định đầu tư;

đ) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quy định tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình thực hiện việc tổ chức thẩm định: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói

thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do mình quản lý.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư tiến hành lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do mình quản lý.

2. Thời gian thẩm định công tác đấu thầu:

a) Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Thời gian thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Thẩm quyền và thời gian phê duyệt công tác đấu thầu

1. Thẩm quyền phê duyệt công tác đấu thầu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nội dung sau đây:

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc các dự án do THZ tương Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư;

d) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do mình quyết định đầu tư;

đ) Chủ đầu tư phê duyệt các nội dung sau:

- Được ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng;

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách ngắn và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do mình quản lý.

2. Thời gian phê duyệt công tác đấu thầu:

a) Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

b) Thời gian phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

c) Thời gian phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

Chương VI **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ** **CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 16. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn như sau:

a) Sở Xây dựng quản lý chất lượng các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, công trình cầu và đường Quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông Vận tải quản lý chất lượng công trình giao thông (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương quản lý chất lượng công trình công nghiệp (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên có trách nhiệm thực hiện các công việc được phân cấp quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy định này.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các công việc được phân cấp quy định tại Khoản 4 Điều 17 Quy định này trên địa bàn, cụ thể:

a) Phòng Quản lý đô thị quản lý chất lượng các công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); công trình giao thông;

b) Phòng Kinh tế quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn; công trình công nghiệp (trừ các công trình do Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định).

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng quản lý chất lượng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chất lượng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 17. Nội dung quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

b) Hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

đ) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo thẩm quyền quy định đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Quy định này;

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 18 Quy định này;

g) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý;

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ “Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng”; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn;

i) Hướng dẫn việc đăng ký thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên cả nước và đăng tải trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý theo quy định;

i) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

k) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện các việc sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

b) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình theo thẩm quyền quy định đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 16 Quy định này;

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 18 Quy định này;

d) Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý;

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành;

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên được phân cấp thực hiện các việc sau:

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong các khu công nghiệp thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trong các khu công nghiệp khi được yêu cầu;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 18 Quy định này;

e) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành định kỳ về tình hình chất lượng công trình xây dựng trong các khu công nghiệp theo phân cấp định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy định này.

4. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp thực hiện các công việc sau:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

đ) Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 6 Quy định này;

e) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 18 Quy định này;

g) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

h) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn theo phân cấp định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Quy định này.

Điều 18. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn được phân công, phân cấp như sau:

a) Sở Xây dựng: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

b) Sở Giao thông Vận tải: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 16 Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

d) Sở Công Thương: Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 16 của Quy định này, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các công trình quy định tại Điểm đ, Điểm e Khoản này;

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên: Các công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP xây dựng trong các khu công nghiệp;

e) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Các công trình cấp III, cấp IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và các công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác xây dựng trên địa bàn thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Trách nhiệm quản lý của Phòng có chức năng quản lý xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Quy định này.

2. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

a) Trường hợp dự án đầu tư gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm mời các cơ quan có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra;

b) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về về Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (theo loại công trình xây dựng chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý của từng Sở) để tổng hợp, quản lý.

Điều 19. Bảo trì công trình xây dựng

1. Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện đối với mọi công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn, hình thức sở hữu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn xác định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng phù hợp với loại công trình, nguồn vốn bảo trì và hình thức sở hữu công trình. Sở Xây dựng và các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gồm: Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện bảo trì đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện bảo trì các công trình xây dựng được công nhận là di tích lịch sử, văn hoá Quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng

1. Khi phát hiện bộ phận công trình hoặc công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc

người quản lý, sử dụng công trình phải thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tiếp nhận xử lý đối với các công trình theo chuyên ngành do Sở quản lý quy định tại Khoản 1 Điều 16 Quy định này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.

Điều 21. Thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với các công trình cấp I, cấp II quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn theo ngành do Sở quản lý;

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận kiểm tra, đề xuất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với các công trình từ cấp III trở xuống quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP xây dựng trên địa bàn. Trách nhiệm quản lý của Phòng có chức năng quản lý xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Quy định này;

3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tự quyết định việc tiếp tục sử dụng sau khi thực hiện các công việc nêu tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 45 Nghị định 46/2015/NĐ-CP đối với các công trình không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 22. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố cấp I, cấp II các công trình xây dựng trên địa bàn;

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố cấp III các công trình xây dựng trên địa bàn.

Chương VII

QUYẾT TOÁN TỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Các công trình xây dựng sau khi hoàn thành đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình để cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt.

Điều 23. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

3. Bộ phận Tài chính cấp xã chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

4. Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án do mình quyết định đầu tư.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

4. Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án do mình quyết định đầu tư.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Phân công trách nhiệm

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này; hướng dẫn, công khai thủ tục hành chính cho các công tác thuộc mình quản lý.

2. Trách nhiệm của các sở, ban ngành:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Quy định này.

b) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành mình.

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức sắp xếp lại các Ban Quản lý dự án chuyên ngành theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, khi phê duyệt dự án phải xác định được nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về quyết định của mình;

- Các phòng chuyên môn cấp huyện, các bộ phận chức năng cấp xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan mình.

4. Các văn bản phê duyệt về quản lý đầu tư và xây dựng của các cơ quan được phân cấp (hoặc ủy quyền) phải gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành biết để kiểm tra, theo dõi.

5. Các cơ quan có chức năng thẩm định phải đóng dấu thẩm định vào hồ sơ được thẩm định, có kết luận cụ thể về các nội dung đã được thẩm định đủ hoặc không đủ điều kiện phê duyệt trong thông báo kết quả thẩm định.

6. Công trình hoặc hạng mục công trình sử dụng vốn Nhà nước, kể cả dự án thành phần trước khi khởi công phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (đối với các dự án không phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường), thiết kế - dự toán được phê duyệt, nghiêm cấm tình trạng vừa thiết kế vừa thi công; trừ trường hợp đặc biệt được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Công tác thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng:

a) Thiết kế cơ sở đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có ý kiến đủ điều kiện để phê duyệt cùng với dự án, dự án đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì không phải phê duyệt lại. Các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện (bao gồm công tác thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở) thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Quy định này.

b) Thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì không phải thẩm định lại, trường hợp phải điều chỉnh thiết kế sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Quy định này.

2. Về hình thức tổ chức quản lý dự án:

a) Các dự án đã và đang triển khai thực hiện thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành dự án đưa vào khai thác, sử dụng (trừ các trường hợp được sắp xếp, kiện toàn lại Ban quản lý dự án theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

b) Các dự án chưa triển khai thực hiện thì tổ chức quản lý dự án theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Quy định này.

3. Công tác khác: Xử lý chuyển tiếp theo quy định của các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành.

Điều 27. Các nội dung khác về quản lý đầu tư xây dựng

Các nội dung khác về quản lý quy hoạch xây dựng; quản lý đầu tư xây dựng công trình; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; giao đất xây dựng... không có trong Quy định này được thực hiện theo các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có gì vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

